

SỞ Y TẾ TP.HCM  
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Số: 84/TB-BVTMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**V/v mời báo giá gói thầu “Cung cấp đồ vải và đồng phục”**

Bệnh viện Tai Mũi Họng đang có kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Cung cấp đồ vải và đồng phục” (xem phụ lục I).

Bệnh viện kính mời các Quý Công ty có năng lực phù hợp gửi đến Bệnh viện chúng tôi bảng báo giá theo danh mục để Bệnh viện làm giá dự toán thực hiện gói thầu này theo đúng quy định.

- Thời gian: từ ngày nhận được thông báo đến ngày 02/10/2024.
- Lưu ý:
  - + Bảng báo giá cần ký tên đóng dấu xác nhận của Quý Công ty và bỏ vào bao thư dán kín.
  - + Ngoài bao thư ghi rõ tên Quý Công ty, người liên hệ và ghi thêm “Bảng báo giá Cung cấp đồ vải và đồng phục”.
  - + Gửi qua văn thư (bảo vệ công Cấp cứu – cồng số 4)

Mọi thắc mắc xin liên hệ về Phòng Hành chính Quản trị Bệnh viện Tai Mũi Họng, số 155B Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, TP.HCM (điện thoại: 028. 3931 7381 )

Rất mong được sự quan tâm của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. QLCL (để kiểm duyệt);
- P. CNTT (đăng tải website BV);
- Lưu: VT, “HCQT (PTHA/03b)”.



Khruu Minh Tháí



**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo số 824/TB-BVTMH ngày 25 tháng 9 năm 2024)

Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
<b>I/ ĐỒNG PHỤC</b>				
1	Bác sĩ, dược sĩ	Cái	470	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo Blouse cổ danton (cổ vest).</li> <li>- Khuy mắt phượng.</li> <li>- Cài cúc giữa.</li> <li>- Dài tay.</li> <li>- Dài áo ngang gối.</li> <li>- Phía trước có 3 túi</li> <li>- Phía sau xẻ giữa từ ngang lưng đến gối.</li> <li>- Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> <li>- Có nẹp+nút ở 2 tay và sau lưng</li> <li>- Thêu Logo BV trên ngực trái.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diều, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ + bỏ mũi các đường may, đường vắt sỗ</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Chốt xẻ tà không đứt chỉ, diều xẻ tà đúng theo thông số</li> <li>- Màu sắc: Trắng tinh</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải cashmere “hoặc tương đương”, thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
2	Điều dưỡng	Bộ	1.000	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <p><b>- Áo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ áo 2 ve (danton), ngắn tay, dài áo ngang mông.</li> <li>+ Khuy mắt phượng, cài cúc giữa.</li> <li>+ Túi, tay và cổ áo có viền xanh dương rộng 0.5 cm.</li> <li>+ Phía trước có 2 túi</li> <li>+ Phía sau có xẻ giữa từ ngang lưng đến mông (hoặc không).</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> <li>+ Thêu Logo BV trên ngực trái.</li> </ul>

Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p><u>- Quần:</u>            +Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có chun sườn (hoặc không).            + 2 túi chéo (quần nam có thêm 1 túi sau)</p> <p><u>- Nón: có 2 dang</u>            + Nắp mũ đầu tròn, có chun phía sau            + Hoặc mũ 3 lá (mũ cánh buồm),</p> <p><u>b/ Kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt sô</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Đổi với tay ngắn, quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể</li> <li>- Chốt xẻ tà không đứt chỉ, diễu xẻ tà đúng theo thông số</li> <li>- Túi quần phải đổi xứng, đúng thông số và vị trí, diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đây không được: nhăn + vặt; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi. Không được: bung sứt + đứt chỉ+ xơ chỉ+ bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định. May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dùm , rút chỉ , lỏng chỉ.</li> <li>- Màu sắc: Trắng tinh</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><u>c/ Chất liệu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ Điều dưỡng nữ, điều dưỡng nam (áo+nón):Vải kate ford trắng “hoặc tương đương”</li> <li>- Điều dưỡng nam (quần): vải kaki thun “hoặc tương đương”.</li> <li>- Màu vải áo và quần của điều dưỡng nam phải đồng màu.</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul> <p><u>a/ Kiểu dáng:</u></p> <p><u>- Áo:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ áo 2 ve (danton), ngắn tay, dài áo ngang mông.</li> <li>+ Khuy mắt phượng, cài cúc giữa.</li> <li>+ Phía trước có 2 túi.</li> <li>+ Phía sau có xẻ giữa từ ngang lưng đến mông (hoặc không).</li> </ul>
3	Kỹ thuật viên	Bộ	250	

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> <li>+ Thêu Logo BV trên ngực trái.</li> <li>- <u>Quần:</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có chun sườn (hoặc không).</li> <li>+ 2 túi chéo (quần nam có thêm 1 túi sau)</li> </ul> </li> <li>- <u>Nón: có 2 dạng</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nắp mũ đầu tròn, có chun phía sau           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoặc mũ 3 lá (mũ cánh buồm),</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>b/ <u>Kỹ thuật:</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vát sô</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vát lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Đối với tay ngắn, quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể</li> <li>- Chốt xé tà không đứt chỉ, diễu xé tà đúng theo thông số</li> <li>- Túi quần phải đối xứng, đúng thông số và vị trí, diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đáy không được: nhăn + vặn; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ xơ chỉ+ bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định.</li> <li>- May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dùm , rút chỉ , lỏng chỉ.</li> <li>- Màu sắc: Trắng tinh</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> </li> <li>c/ <u>Chất liệu:</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ao+nón: Vải kate ford “hoặc tương đương”</li> <li>- Quần: vải kaki thun “hoặc tương đương”</li> <li>- Màu vải áo và quần phải đồng màu.</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul> </li> </ul>
4	Hành chính (nam)	Bộ	150	<p>a/ <u>Kiểu dáng:</u></p> <p>- <u>Áo:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ sơ mi, dài tay dài tay (có manset- có nẹp/nút) hoặc ngắn tay (theo yêu cầu).</li> <li>+ Chiều dài áo ngang mông, vạt bầu</li> <li>+ Có nẹp áo, cài cúc giữa, có 2 túi (hoặc 1 túi bên trái)</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul>

Sđt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p><u>- Quần:</u>            + Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có chun sườn (hoặc không).            + 2 túi chéo, có 1 túi sau.</p> <p><u>b/ Kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ + bỏ mũi các đường may, đường vắt số</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Đối với tay ngắn, quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể.</li> <li>- Áo có viền đôi ở các đường may như nẹp, tay nách,...</li> <li>- Túi quần phải đối xứng, đúng thông số và vị trí, diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đáy không được: nhăn + vặt; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ + xơ chỉ + bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định.</li> <li>- May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dùm, rút chỉ, lỏng chỉ</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><u>c/ Chất liệu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: Vải kate mĩ màu xanh dương “hoặc tương đương”</li> <li>- Quần: vải cashmere (quần tây nam) màu xanh đen “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul> <p><u>a/ Kiểu dáng:</u></p> <p><u>- Áo:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ sơ mi, dài tay dài tay hoặc ngắn tay (theo yêu cầu).</li> <li>+ Chiều dài áo ngang mông, vạt bầu (hoặc ngang)</li> <li>+ Có nẹp áo (che nút, từ 2-2.5cm), cài cúc giữa, có 2 túi (hoặc 1 túi bên trái)</li> <li>+ Viền ở cổ áo, nẹp áo (khoảng 1/3 nẹp tính từ chân cổ áo) và tay áo (3-5cm)</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> <p><u>- Quần (hoặc váy):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có thun sườn (hoặc không), 2 túi chéo.</li> <li>+ Váy Jupe chữ A hoặc bút chì, lưng thun (hoặc không)</li> </ul>
5	Hành chính (nữ)	Bộ	280	

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt số</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần (hoặc váy) phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Đổi với tay ngắn, quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể</li> <li>- Túi quần phải đổi xứng, đúng thông số và vị trí, diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đáy không được: nhăn + vặt; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ xơ chỉ+ bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định.</li> <li>- May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dùm , rút chỉ , lỏng chỉ</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: Vải kate mỹ màu trắng tinh “hoặc tương đương”.</li> <li>- Viền áo: màu xanh dương (vải áo hành chính nam) “hoặc tương đương”</li> <li>- Quần: vải cotton (quần tây nữ) màu đen “hoặc tương đương”</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</p>
6	Bảo trì+tài xế	Bộ	60	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <p><b>- Áo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổ sơ mi, tay ngắn.</li> <li>+ Chiều dài áo ngang mông, vạt ngang</li> <li>+ Có nẹp ở nút, tay và tà áo; Cài cúc giữa</li> <li>+ 2 túi hộp có nắp, 01 túi nhỏ bên tay áo trái</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> <p><b>- Quần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có chun sườn (hoặc không).</li> <li>+ 2 túi chéo, có 1 túi sau.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường</li> </ul>

Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>may, đường vắt số          - Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.          - Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi          - Đối với tay ngắn, quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể          - Áo có viền đôi ở các đường may như nẹp áo, tay, túi áo,          - May theo số đo  <u>c/ Chất liệu:</u>          - Áo: Vải kate minky màu xanh dương “hoặc tương đương”          - Quần: vải cashmere (quần tây nam) màu xanh đen “hoặc tương đương”  <u>Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</u></p>
7	Bảo vệ	Bộ	60	<p><u>a/ Kiểu dáng:</u>  <u>- Áo:</u>          + Cổ sơ mi, tay ngắn.          + Chiều dài áo ngang mông, vạt ngang          + Có nẹp ở nút, tay, cầu vai; Cài cúc giữa          + 2 túi trước có nắp, 01 túi nhỏ bên tay áo trái          + Có khuy cài biên tên trên ngực trái và 2 cầu vai, có đính 02 bọ ngay mép cổ (để gắn logo).          + Phụ kiện kèm theo: ve áo gắn trên lá cổ, con cá gắn trên cầu vai, mũ Kepi  <u>- Quần:</u>          + Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có thun sườn (hoặc không).          + 2 túi chéo, có 1 túi sau.</p> <p><u>b/ Kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diều, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt số</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Quy cách may lai tay sẽ theo từng kiểu dáng cụ thể.</li> <li>- Áo có viền đôi ở các đường may như nẹp, tay, túi,...</li> <li>- Túi quần phải đối xứng, đúng thông số và vị trí, diều túi 2 bên đều nhau, đường diều không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đáy không được: nhăn + vặn; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi.</li> </ul>

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ xơ chỉ+ bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định.</li> <li>- May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dùm , rút chỉ , lỏng chỉ</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: Vải kate ford màu xanh coban “hoặc tương đương”</li> <li>- Quần: vải cashmere (quần tây nam) màu xanh đen “hoặc tương đương”</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</p> <p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ áo danton, ngắn tay, dài áo ngang mông.</li> <li>- Cài cúc giữa, phía trước có 2 túi (bên dưới)</li> <li>- Phía sau có xé giữa từ ngang lưng đến mông (hoặc không).</li> <li>- Viền ở nút, cổ và tay,</li> <li>- Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt sô</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Chốt xé tà không đứt chỉ, diễu xé tà đúng theo thông số</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kate ford trắng hoặc tương đương “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
8	Áo choàng	Cái	80	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo:</li> <li>+ Cổ sơ mi, tay lỡ.</li> <li>+ Chiều dài áo ngang mông, vạt bầu (hoặc ngang)</li> <li>+ Cài cúc giữa, viền ở cổ áo.</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> </ul>
9	Hướng dẫn	Bộ	30	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quần:</li> <li>+ Quần âu 2 ly (hoặc không ly), có thun sườn (hoặc không), 2 túi chéo.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> </ul>

Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt số</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Túi quần phải đối xứng, đúng thông số và vị trí, diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đây không được: nhăn + vặn; cầm bai; đứt chỉ bỏ mũi.</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ xơ chỉ+ bỏ mũi các đường may sườn; giàng quần phải đúng dấu bấm; chừa đường may to bản phải đúng quy định.</li> <li>- May sườn, giàng quần phải êm; không: cầm nhăn+ bai + vênh dûm , rút chỉ , lỏng chỉ</li> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><u>c/ Chất liệu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: Vải kate mỹ màu trắng tinh.</li> <li>- Viền áo: màu xanh lá cây (cùng màu vải quần) “hoặc tương đương”</li> <li>- Quần: vải cotton (quần tây nữ) màu xanh lá cây “hoặc tương đương”</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2-</p>
10	Hộ lý+KSNK	Bộ	140	<p><u>a/ Kiểu dáng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hộ lý: cổ tròn, tay ngắn, cài nút giữa, có 2 túi</li> <li>+ KSNK: cổ tròn, xé nẹp (3 nút), tay ngắn, có 2 túi phía dưới</li> <li>+ Có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> </li> <li>- Quần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lưng thun bản 3cm, có túi hai bên.</li> </ul> </li> </ul> <p><u>b/ Kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt số</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặn; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- Diễu túi 2 bên đều nhau, đường diễu không bị đứt chỉ, nối chỉ. Đây không được: nhăn + vặn; cầm bai; đứt chỉ</li> </ul>

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>bỏ mũi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- May theo số đo</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ lý: Kate ford màu xanh dương “hoặc tương đương”</li> <li>- KSNK: Kate ford màu xanh dương đậm “hoặc tương đương”.</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
<b>II/ ĐỒ VẢI</b>				
1	Áo choàng PTV	Cái	600	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo tay dài choàng từ trước, nẹp ngang ở phía trước, bo thun ở tay, có khâu trang có dây cột may liền với áo (dây cột), phía sau có 04 dây đeo cột áo, thân áo rộng rãi (khoảng chừng 1,4m)</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diều, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt sô</li> <li>- Bo thun ngay tay mềm, đảm bảo chịu được nhiệt độ cao, không dãn khi hấp ở nhiệt độ cao</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải Kalicot màu xanh lá cây đậm “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
2	Áo choàng BN	Cái	250	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cò áo danton, tay dài, cài cúc giữa dài áo ngang gối.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diều, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vắt sô</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo phải êm; không vặn; to bàn hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
3	Áo gói	Cái	200	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 lớp, may dạng túi, kích cỡ (0,40m x 0,50m), có 02 nút gài</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p>



Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vát sỗ, lại mũi kỹ các đường may</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
4	Dây cột định bệnh nhân	Bộ	100	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 lớp, may dạng túi, kích cỡ 1,45m x 0,06m, 4 lớp</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ 02 đầu.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
5	Đồ bệnh nhân	Bộ	2.000	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo: cổ danton, tay dài, có 3 túi.</li> <li>- Quần: lưng thun bản 3cm, có dây rút.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường may.</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vát sỗ</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vát lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- May theo mẫu có sẵn, có nhiều size (1,3,5,7,9,11 S,M,L,XL,XXL, XXXL)</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kate màu xanh ngọc “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
6	Đồ phẫu thuật viên (nam/nữ)	Bộ	600	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nam: áo cổ tròn, xẻ nẹp (02 nút), tay ngắn, có 03 túi; Quần lưng thun 3cm, có dây rút, có 1 túi trước.</li> <li>- Nữ: áo cổ tròn, xẻ V (03cm), tay ngắn, có 03 túi; Quần lưng thun 3cm, có dây rút.</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không nối chỉ các đường diễu, lại mũi kỹ các đường</li> </ul>

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<p>may.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may, đường vát sỗ</li> <li>- Thùa khuy dài tương ứng với nút. Chỉ thùa khuy cùng màu vải chính.</li> <li>- Lai tay, lai áo, lai quần phải êm; không vặt; to bản hai bên bằng nhau và đúng thông số; đường may lai hoặc vắt lai phải êm thẳng; không đứt chỉ + bỏ mũi</li> <li>- May theo mẫu có sẵn, có nhiều size (S,M,L,XL,XXL, XXXL)</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kate ford màu xanh dương “hoặc tương đương”</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
7	Drap giường	Cái	2.000	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 2,60m x 1,45m, 1 lớp, may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
8	Gối nằm	Cái	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 0,35m x 0,45m</li> <li>- Ruột bông gòn, bên ngoài bọc Simili (PU) dùng trong y tế, độ bền cao, kháng khuẩn tốt, không mùi, không bị lún xẹp khi nằm,...</li> <li>- Hàng sản xuất: TAMHOME hoặc tương đương</li> </ul> <p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 1,45m x 1m, 2 lớp, may dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
9	Khăn dày	Cái	100	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 1,45m x 1m, 2 lớp, may 2 đường dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> </ul>
10	Khăn dày viền xanh	Cái	300	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 1,45m x 1m, 2 lớp, may 2 đường dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> </ul>

Số thứ tự	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- Sử dụng chỉ màu xanh lá cho đường dàn xéo và các đường viền chung quanh</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
11	Khăn lau tay	Cái	700	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ 0,46m x 0,46m, 2 lớp, may 2 đường dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- Sử dụng chỉ màu xanh lá cho đường dàn xéo và các đường viền chung quanh</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
12	Khăn vuông	Cái	100	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích cỡ 0,7m x 0,7m, 2 lớp, may 2 đường dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
13	Khăn vuông viền xanh	Cái	600	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích cỡ 0,7m x 0,7m, 2 lớp, may 2 đường dàn xéo và may viền xung quanh (1cm).</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sút + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dàn kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- Sử dụng chỉ màu xanh lá cho đường dàn xéo và các đường viền chung quanh</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p>

Stt	Danh mục	Đvt	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
14	Khăn vuông lỗ	Cái	500	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b> Kích cỡ 0,7m x 0,7m, 2 lớp, may 2 đường dập xéo và may viền xung quanh (1cm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính giữa có 01 lỗ tròn, đường kính từ 10-15cm</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dập kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- Sử dụng chỉ màu xanh lá cho đường dập xéo và các đường viền chung quanh</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
15	Mền bệnh nhân	Cái	100	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b> Kích cỡ (1,3m x 1,45m), 2 lớp, may 2 đường dập xéo và may viền xung quanh (1cm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính giữa có 01 lỗ tròn, đường kính từ 10-15cm</li> </ul> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dập kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- Sử dụng chỉ màu xanh lá cho đường dập xéo và các đường viền chung quanh</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>
16	Tapmayyor	Cái	300	<p><b>a/ Kiểu dáng:</b> Kích cỡ 0,55m x 0,75m, 2 lớp, may dạng túi, miệng túi (0,55m) có viền (01cm)</p> <p><b>b/ Kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ mũi chỉ 4-5 mũi/cm</li> <li>- Không được: bung sứt + đứt chỉ+ bỏ mũi các đường may.</li> <li>- May dập kỹ các đầu đường viền.</li> <li>- May theo mẫu có sẵn</li> </ul> <p><b>c/ Chất liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kalicot trắng hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật của vải theo yêu cầu tại phụ lục 2</li> </ul>

**PHỤ LỤC 2**  
**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA VẢI**

(Kèm theo Thông báo số 82/H/TB-BVTMH ngày 25 tháng 9 năm 2024)

STT	Loại vải	Chỉ tiêu	Kết quả yêu cầu
1	Kate ford trắng ; Hoặc tương đương  - Điều dường nữ. - Điều dường nam và kỹ thuật viên (áo+nón)  (23008)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.9 \pm 0.01$ - Ngang: $-0.7 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $280 \pm 3$ - Ngang: $257 \pm 3$
		Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)	$155.8 \pm 2$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	- Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $39.8 \pm 0.5$ - Ngang: $38 \pm 0.5$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $65.2 \pm 1$ - Cotton: $34.8 \pm 0.5$
2	Kate ford Màu ; Hoặc tương đương  - Áo bảo vệ - Đồ Hộ lý - Đồ KSNK - Đồ phẫu thuật viên  (20808)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.6 \pm 0.01$ - Ngang: $-0.7 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $253 \pm 3$ - Ngang: $271 \pm 3$
		Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)	$151.2 \pm 2$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	- Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $24.3 \pm 0.5$ - Ngang: $25.1 \pm 0.5$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $64.8 \pm 1$ - Cotton: $35.2 \pm 0.5$
3	Vải kaki thun trắng ; Hoặc tương đương  - Quần điều dường (nam) - Quần kỹ thuật viên  (20508)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.2 \pm 0.01$ - Ngang: $-0.2 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $460 \pm 4$ - Ngang: $327 \pm 3$
		Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)	$246.8 \pm 2$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	- Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $83.5 \pm 1$ - Ngang: $53.6 \pm 1$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $74.3 \pm 1$

STT	Loại vải	Chỉ tiêu	Kết quả yêu cầu
		1833:2019)	- Rayon: $23.4 \pm 0.5$ - Spandex: $2.3 \pm 0.5$
4	Vải Cashmere ;Hoặc tương đương  - Áo Bác sĩ - Áo Dược sĩ  (21108)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	Dọc: $-1.4 \pm 0.1$ Ngang: $-0.6 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $540 \pm 5$ - Ngang: $250 \pm 3$
		Khối lượng vải ( $\text{G}/\text{M}^2$ ) (ISO 3801:1977)	$275.9 \pm 2$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $77 \pm 1$ - Ngang: $44.9 \pm 1$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $64.2 \pm 0.5$ - Rayon: $35.8 \pm 0.5$
5	Vải Kate Mỹ ;Hoặc tương đương  - Áo hành chính nam - Áo hành chính nữ  (21308)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.4 \pm 0.01$ - Ngang: $+0.1 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $390 \pm 4$ - Ngang: $324 \pm 3$
		Khối lượng vải ( $\text{G}/\text{M}^2$ ) (ISO 3801:1977)	$120.4 \pm 1$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $26.5 \pm 0.5$ - Ngang: $24 \pm 0.5$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $78.8 \pm 1$ - Rayon: $21.2 \pm 0.5$
6	Vải kate Mỹ ;Hoặc tương đương  - Áo bảo trì - Áo tài xế  (21008)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.5 \pm 0.01$ - Ngang: $-0.1 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
		Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $400 \pm 4$ - Ngang: $317 \pm 3$
		Khối lượng vải ( $\text{G}/\text{M}^2$ ) (ISO 3801:1977)	$125.3 \pm 1$
		Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	Không phát hiện (<16 PPM)
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $35.5 \pm 0.5$ - Ngang: $29.2 \pm 0.5$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Polyester: $80.4 \pm 1$ - Rayon: $19.6 \pm 0.5$
7	Vải cashmere ;Hoặc tương đương  - Quần hành chính	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-0.7 \pm 0.01$ - Ngang: $-0.5 \pm 0.01$
		Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5

STT	Loại vải	Chỉ tiêu	Kết quả yêu cầu
	nam. - Quần bảo trì+tài xế - Quần bảo vệ  (20608)	Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)  Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)  Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)  Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)  Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Dọc: 315 ± 3 - Ngang: 257 ± 3  261.7 ± 3  Không phát hiện (<16 PPM)  - Dọc: 82.9 ± 1 - Ngang: 69.9 ± 1  - Polyester: 70.6 ± 1 - Rayon: 29.4 ± 0.5
8	Vải cotton ;Hoặc tương đương  - Quần hành chính nữ.  (20908)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)  Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)  Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)  Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)  Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)  Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)  Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Dọc: -0.1 ± 0.01 - Ngang: -0.1 ± 0.01  - Phai màu: 4-5 - Dây màu: 2-4  - Dọc: 485 ± 4 - Ngang: 408 ± 4  241 ± 3  Không phát hiện (<16 PPM)  - Dọc: 53.6 ± 1 - Ngang: 47.3 ± 0.5  - Polyester: 91 ± 1 - Spandex: 9 ± 0.5
9	Vải Kalicot ;Hoặc tương đương Áo choàng phẫu thuật viên  (21208)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)  Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)  Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)  Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)  Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)  Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)  Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	- Dọc: -4.2 ± 0.01 - Ngang: -6 ± 0.01  - Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5  - Dọc: 500 ± 5 - Ngang: 225 ± 2  132.3 ± 2  Không phát hiện (<16 PPM)  - Dọc: 24.8 ± 0.05 - Ngang: 15.9 ± 0.05  - Cotton: 100 ± 1
10	Vải Kate ;Hoặc tương đương  - Đồ bệnh nhân  (20708)	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)  Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)  Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)  Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)  Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	- Dọc: 0 ± 0.01 - Ngang: 0 ± 0.01  - Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5  - Dọc: 560 ± 6 - Ngang: 343 ± 4  144.1 ± 2  Không phát hiện (<16 PPM)

STT	Loại vải	Chỉ tiêu	Kết quả yêu cầu
		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $16.6 \pm 0.05$ - Ngang: $10.9 \pm 0.05$
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	Polyester: $100 \pm 1$
11	Vải kalicot ;Hoặc tương đương	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (ISO 5077:2007 /ISO 6330:2012)	- Dọc: $-3.8 \pm 0.01$ - Ngang: $-6.6 \pm 0.01$
	- Áo choàng BN	Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 AI:2010)	- Phai màu: 4-5 - Dây màu: 4-5
	- Áo gối	Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)	- Dọc: $270 \pm 5$ - Ngang: $250 \pm 2$
	- Dây cổ định BN	Khối lượng vải (G/M <sup>2</sup> ) (ISO 3801:1977)	$127 \pm 2$
	- Drap giường	Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011)	Không phát hiện (<16 PPM)
	- Khăn dày	Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)	- Dọc: $19.5 \pm 0.05$ - Ngang: $15.1 \pm 0.05$
	- Khăn lau tay	Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)	Cotton: $100 \pm 1$
	- Khăn vuông/lỗ		
	- Mền BN		
	- Tapmayyyor (23108)		